

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/DS-PT

Ngày: 24/4/2025

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản,
công nhận di chúc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Xuân Thảo

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý 634/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, công nhận di chúc*”, do Bản án số 86/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3482/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1992; Địa chỉ: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; Nơi cư trú: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; Nơi cư trú: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh T, Luật sư của Công ty Luật TNHH K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Xin vắng mặt).

*** Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964; Nơi cư trú: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1966; Nơi cư trú: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1967; Nơi cư trú: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Huy H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Thuý L2, sinh năm 1983; nơi cư trú: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; ĐKNK: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang ở Hàn Quốc (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1992; ĐKNK: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang ở Hàn Quốc (Vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; ĐKNK: T1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang ở Hàn Quốc (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, ông C1, ông L1, anh H1: Các luật sư Nguyễn Văn T, Đinh Hữu C, Bùi Xuân G- Công ty Luật TNHH MTV B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng (có mặt Luật sư T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Văn T (chết năm 2009) và cụ Phạm Thị T1 (chết tháng 1 năm 2019) có 06 người con chung là: Nguyễn Văn B (chết tháng 3 năm 2019), Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Văn L3 (đã chết năm 2005, không có vợ con). Ông B có vợ là Bùi Thị N (đã chết năm 2022), có các con Nguyễn Huy H1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Thuý L2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V. Quá trình chung sống, hai cụ có diện tích đất thổ cư 620m², tại thửa số 830, tờ bản đồ số 06, tại t1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Năm 2009, khi cụ T1 vẫn còn khỏe mạnh, mình vẫn có làm thủ tục chia tách thửa đất số 830 trên cho các con trai là Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn C1 mỗi người 01 phần và đã đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn lại diện tích 257m², tại thửa số 830, trên đất có nhà, cả gia

đình thống nhất để lại cho cụ T1 quản lý và sử dụng. Ngày 07/12/2009, cụ T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 01/08/2009, cụ Phạm Thị T1 đến UBND xã H lập di chúc giao cho anh Nguyễn Duy H được quyền quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất diện tích đất 257 m², tại thửa số 830, di chúc có xác nhận của người làm chứng và chính quyền UBND xã H chứng thực. Sau khi lập di chúc cụ Phạm Thị T1 vẫn quản lý, sử dụng đến năm 2019 cụ T1 chết, gia đình đã đề nghị chính quyền UBND xã H làm thủ tục mở di chúc của cụ T1 và để giao lại quyền sử dụng cho anh H, tuy nhiên các chú bác của anh H không đồng ý với bản di chúc này.

Yêu cầu khởi kiện: Tòa án công nhận bản di chúc do cụ Phạm Thị T1 lập ngày 01/08/2009 tại UBND xã H là di chúc hợp pháp để anh H1 được sử dụng diện tích đất 257 m², tại thửa số 830.

Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông L thống nhất về quan hệ huyết thống như nguyên đơn. Quá trình chung sống, cụ T, cụ T1 có diện tích đất 620m², tại thửa số 830, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại t1, xã H, huyện T. Năm 2009, khi cụ T1 còn sống khỏe mạnh mình vẫn có làm thủ tục chia tách thửa đất cho các con trai đó là bác Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1 đều đã được cụ T1 chia 01 phần diện tích đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất 257m² còn lại đứng tên cụ T1. Sinh thời, cụ T1 muốn giao diện tích đất 257m² cho cháu Nguyễn Duy H quản lý, sử dụng và thờ cúng người em ông là Nguyễn Văn L3 (chết không có vợ con). Nên ngày 01/08/2009, khi cụ T1 còn sống khỏe mạnh mình vẫn đã đến UBND xã H lập di chúc giao cho anh H được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất nói trên, bản di chúc có xác nhận của người làm chứng và chính quyền UBND xã H. Sau khi lập di chúc cụ Phạm Thị T1 vẫn quản lý, sử dụng đến năm 2019 cụ T1 chết, gia đình ông Nguyễn Văn L đến nhờ chính quyền Ủy ban nhân dân xã H làm thủ tục công nhận bản di chúc do cụ T1 để lại và để giao quyền sử dụng đất cho anh H, tuy nhiên các bị đơn không đồng ý với nội dung bản di chúc này.

Yêu cầu khởi kiện: Ông L yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ T1 để lại là diện tích đất 257m², tại thửa số 830 và đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc do cụ Phạm Thị T1 lập ngày 01/08/2009 tại UBND xã H là di chúc hợp pháp để anh Nguyễn Duy H được sử dụng diện tích đất trên.

Bị đơn Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1 trình bày:

Ông C, ông C1, ông L1 thống nhất về quan hệ huyết thống như nguyên đơn. Quá trình chung sống, cụ T, cụ T1 có diện tích đất 620m², tại thửa số 830, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại t1, xã H, huyện T. Năm 2009, cụ T chết không để lại di chúc, toàn bộ tài sản nhà đất do cụ Phạm Thị T1 quản lý, sử dụng. Sau khi cụ T chết được khoảng 100 ngày, vào ngày 10/7/2009 cả gia đình đã họp và có Văn bản phân chia quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 830 trên. Văn bản phân chia cụ thể như sau: Giao cho Nguyễn Văn B 310m²; Nguyễn Văn L1 76m² và cụ Phạm Thị T1 257m². Văn bản phân chia này đã được cả gia đình trực tiếp ký tên, cụ T1 điểm chỉ xác nhận và được chứng thực tại UBND xã H.

Nay anh H có yêu cầu khởi kiện cho rằng cụ T1 đã di chúc thửa số 830 cho anh H thì các bị đơn không đồng ý vì các bị đơn không biết gì về Bản di chúc của cụ T1 lập. Trong khi trước đó, ngày 05/5/2009 gia đình gồm cụ T1, ông B, ông C, ông C1 và ông L1 cũng đã lập biên bản họp gia đình thống nhất để lại phần diện tích đất có ngôi nhà 3 gian do cụ T1 quản lý sử dụng để làm nơi thờ cúng tổ tiên, chứ không bán hay chia cho ai.

Cụ T1 không biết chữ, Bản di chúc ngày 01/8/2009 có phải của cụ T1 hay không thì các ông không xác định được vì thời điểm lập bản di chúc đó ông đều không chứng kiến, các ông cũng không đề nghị giám định dấu vân tay của cụ T1. Đến ngày 13/02/2020, UBND xã H có gọi các bị đơn lên UBND xã để công nhận bản di chúc ngày 01/8/2009 thì các bị đơn mới biết có bản di chúc này.

Ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Văn L đã được các cụ chia cho phần đất ruộng, mỗi người được 12 thước. Ông C1 được chia đất ở bóm rìa làng, khu Đông Thiệu; ông L được chia đất ở bóm rìa làng khu Đông Vị. Sau này, ông C1, ông L đã quy đổi phần đất ruộng trên để được mua đất ở với giá rẻ hơn. Chỉ có ông Nguyễn Văn C là chưa được các cụ chia đất cho.

Nay, các ông đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy H vì thửa đất này anh em xác định dùng để làm nơi thờ cúng tổ tiên chung chứ không chia tách cho bất kỳ ai. Hiện tại thửa đất trên chỉ để không, không ai sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Huy H1 trình bày:

Anh Nguyễn Huy H1 là con của ông Nguyễn Văn B (chết năm 2019) và bà Bùi Thị N (chết năm 2022). Ông B và bà N sinh được 05 người con gồm: Nguyễn Thị Thúy L2, Nguyễn Thị P (sống tại Hàn Quốc), Nguyễn Thị N (sống tại Hàn Quốc), Nguyễn Huy H1 và Nguyễn Văn V (sống tại Hàn Quốc). Các anh chị em đều biết vụ việc anh Nguyễn Duy H khởi kiện yêu cầu Tòa án công

nhận bản di chúc lập ngày 01/08/2009 của cụ T1. Nay đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan điểm của anh H1 nhất trí với các nội dung các chú là Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn L1 đã trình bày là để lại toàn bộ diện tích 257m² do cụ T1 quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng chung cho cả gia đình. Lý do vì ông B và bà N đều không biết gì về Bản di chúc lập ngày 01/08/2009 do cụ T1 lập. Đến ngày 13/02/2020, UBND xã H có gọi bà N lên để công nhận bản di chúc ngày 01/8/2009 thì gia đình ông B và bà N mới biết có bản di chúc này. Anh H1 được biết ngày 05/05/2009 cụ T1 cùng các anh chị em trong nhà đã có văn bản họp gia đình, cụ T1 đã chỉ điểm vào Văn bản đó, nội dung của Văn bản là thông nhất để lại diện 257 m² do cụ T1 quản lý sử dụng để làm nơi thờ cúng chung. Do vậy, quan điểm của anh H1 Bản di chúc ngày 01/08/2009 là không đúng nên đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả thẩm định và định giá tài sản tranh chấp: Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 830, tờ bản đồ số 06 t1, xã H, huyện T, Hải Phòng có diện tích 257m², giá đất thị trường 15.000.000đ/m². Trên đất có 1 nhà 3 gian, 1 bếp, 1 nhà tắm, lán tôn, 1 bể nước, 1 giếng và cây ăn quả, giá trị tài sản trên đất là 46.885.600đ. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 3.901.885.600đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 37; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 652, 653, 656, 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ các điều 613; 623; 649 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 166, 167, 170 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy H và ông Nguyễn Văn L về công nhận di chúc của cụ Phạm Thị T1 đối với diện tích 257 m² và chia thừa kế tài sản trên đất thuộc thửa 830, tờ bản đồ số 06 t1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng của cụ Phạm Thị T1:

2. Công nhận di chúc của cụ Phạm Thị T1 lập ngày 01/8/2009 về việc thừa kế diện tích 257m², thửa số 830, tờ bản đồ số 06 t1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng cho anh Nguyễn Duy H.

3. Giao diện tích 257m² và tài sản trên đất thuộc thửa số 830 tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: T1, xã H, huyện T, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 212503 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 07/12/2009

đúng tên bà Phạm Thị T1 cho anh Nguyễn Duy H quản lý, sử dụng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Duy H về việc anh Nguyễn Duy H có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho các ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn L1 mỗi người 6.543.120 (sáu triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm hai mươi) đồng và các con của ông Nguyễn Văn B gồm anh Nguyễn Huy H1, chị Nguyễn Thị Thúy L2, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn V mỗi người 1.308.624 (một triệu, ba trăm linh tám nghìn, sáu trăm hai mươi tư) đồng.

5. Anh Nguyễn Duy H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn L1 số tiền 14.140.000 (mười bốn triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng.

6. Các đương sự phải có nghĩa vụ làm thủ tục điều chỉnh, cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Huy H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, anh Nguyễn Huy H1 không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Sau khi Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, các bị đơn và anh Nguyễn Huy H1 trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh luận đã đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn gửi bản luận cứ và các nguyên đơn có mặt đề nghị không chấp nhận kháng cáo của đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1, anh Nguyễn Huy H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1, anh Nguyễn Huy H1 làm trong hạn luật định là kháng cáo hợp pháp được chấp nhận để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn L1 có kháng cáo nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên coi như từ bỏ kháng cáo, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng phiên tòa được mở nhiều lần nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1, anh Nguyễn Huy H1:

[3.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, công nhận di chúc và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo khoản 9 Điều 26, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về thời hiệu khởi kiện: cụ Nguyễn Văn T chết năm 2009 và cụ Phạm Thị T1 chết năm 2019, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản vẫn đảm bảo quy định của pháp luật.

[3.3] Về hàng thừa kế: Cụ T chết năm 2009 và cụ T1 chết tháng 1 năm 2019 có 06 người con: Nguyễn Văn B chết tháng 3 năm 2019, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Văn L3 chết năm 2005, không có vợ con. Ông B có vợ là Bùi Thị N đã chết năm 2022 và có các con Nguyễn Huy H1, Nguyễn Thị Thúy L2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn V. Các ông B, L, C, C1, L1, L3 thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ông B, bà N chết những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B gồm các con là các anh chị H1, L2, N, P, V.

[3.4] Về nguồn gốc diện tích 257m², thửa đất số 830: Các bên đương sự đều xác nhận thửa 830, tờ bản đồ số 06 t1, xã H, huyện T thuộc quyền sử dụng của cụ T, cụ T1. Theo Sổ mục kê năm 1985 thì thửa 830, diện tích 640m², loại đất thổ cư, chủ sử dụng cụ T. Ngày 26/01/2009, cụ T chết không để lại di chúc. Ngày 10/7/2009, cụ T1 cùng các con gồm các ông B, L, C, C1, L1 thống nhất lập Văn bản phân chia thửa đất số 830. Cụ thể, ông B được sử dụng 310m², ông L1 được sử dụng 76m², cụ T1 được sử dụng 257m², thời điểm phân chia trên đất

cụ T1 được chia có ngôi nhà 40m² và các công trình phụ và cụ T1 tiếp tục sinh sống trên diện tích 257m² này. Văn bản phân chia tài sản trên đã được cụ T1 điểm chỉ, các ông B, L, C, C1, L1 ký và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực vào sổ 27 quyền số 1 TP/CC-SCT/HĐGD. Quá trình giải quyết anh H, các ông B, L, C, C1, L1 đều xác nhận đã chia thừa kế như trên và văn bản phân chia đất ngày 10/7/2009 là có thật nên không phải chứng minh. Các đương sự đều thừa nhận diện tích đất 620m² là quyền sử dụng của cụ T và cụ T1 nên cụ T1 được quyền sử dụng 310m² nhưng khi phân chia cụ T chỉ nhận 257m² là quyền tự định đoạt của cụ T1.

Ngày 07/12/2009, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích thửa 830 mang tên hộ bà Phạm Thị T1, trên đất có nhà cũ rộng 40m². Ngày 07/01/2010, UBND huyện T đính chính từ tên chủ hộ sử dụng hộ bà Phạm Thị T1 thành bà Phạm Thị T1 đối với diện tích 257m² thửa 830 do có sai sót trong việc in sai tên chủ sử dụng. Các ông B, L, C, C1, L1 đều xác nhận biết cụ T1 làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận đối với diện tích 257m² thửa 830 năm 2009. Ông C, ông C1, ông L1 đều xác nhận năm 2009 ông L1 và ông B ký xác nhận mốc giới để cụ T1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho đến nay các bên đương sự đều không có ý kiến gì.

Sổ hộ khẩu gia đình số 22/1 của gia đình cụ T1 thể hiện thời điểm tháng 12/2009 (thời điểm cụ T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) hộ cụ T có 3 người gồm: cụ T1, cụ T, anh L3. Tuy nhiên, cụ T chết ngày 26/01/2009, anh L3 chết ngày 22/3/2005, các con của cụ T1 đều đã kết hôn và ở riêng. Như vậy, đủ căn cứ xác định diện tích 257m² và ngôi nhà 40 m² trên đất thuộc thửa 830 là tài sản riêng của cụ Phạm Thị T1. Xác định di sản của cụ T (chồng cụ T1) không còn. Vì vậy, cụ T1 có toàn quyền định đoạt đối với diện tích 257m², thửa đất số 830 tờ bản đồ số 06 t1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

[3.5] Đối với di chúc của cụ T1: Ngày 01/8/2009, cụ T1 có đến UBND xã H làm di chúc, do không biết chữ nên cụ T1 có nhờ ông Bùi Đức K là cán bộ tư pháp xã viết hộ di chúc, có nội dung giao thừa kế toàn bộ quyền sử dụng diện tích 257m² thửa 830 cho cháu là anh Nguyễn Duy H. Tuy cụ T1 không biết chữ nhưng đã nhờ ông K cán bộ tư pháp viết hộ theo nội dung cụ T1 yêu cầu. Di chúc được lập tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, có chữ ký của 2 người làm chứng: Ông Tô Văn C2 – trưởng t1 và ông Nguyễn Văn H2 – cháu ruột của cụ T, ông Phạm Văn N – Phó Chủ tịch xã ký chứng thực. Ông H2, ông C2, ông K, ông N đều xác nhận cụ T1 đến UBND xã yêu cầu được giúp đỡ làm di chúc

thừa kế diện tích 257m² thửa 830 cho anh H; thời điểm lập di chúc, cụ T1 hoàn toàn khỏe mạnh, tinh táo, tự nguyện, di chúc được lập đúng ý chí của cụ T1 và được lập tại trụ sở UBND xã trước sự chứng kiến của người làm chứng và UBND xã H chứng thực. Như vậy, di chúc của cụ T1 đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định tại các điều 652, 653, 656, 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc ghi ngày 01/8/2009 của Phạm Thị T1 là di chúc hợp pháp là có căn cứ.

[3.6] Diện tích 257m² và ngôi nhà 40m² trên đất thuộc thửa 830 là tài sản riêng của cụ Phạm Thị T1, cụ T1 có quyền định đoạt đối với thửa đất này. Di chúc của cụ T1 ghi ngày 01/8/2009 hợp pháp, không còn di chúc nào khác nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận di chúc của cụ T1 đã thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 257m², thửa đất số 830, tờ bản đồ số 06 T1, xã H, huyện T cho anh Nguyễn Duy H là có căn cứ.

[3.7] Đối với 01 nhà 3 gian cũ rộng 40m², 01 bếp, 01 nhà tắm, 01 bể nước, 01 giếng và cây ăn quả, giá trị tài sản trên đất là 32.715.600 đồng do cụ T và cụ T1 tạo dựng từ nhiều năm trước. Xét Di chúc của cụ T1 nội dung đã trao “thừa kế toàn bộ thửa đất diện tích 257m², thửa đất số 830 cho anh Nguyễn Duy H”. Như vậy, di chúc của cụ T1 không định đoạt đối với tài sản trên đất. Ông L đề nghị chia thừa kế di sản của cụ T1.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Duy H tự nguyện thanh toán suất thừa kế cho các đồng thừa kế. Hàng thừa kế của cụ Phạm Thị T1, Nguyễn Văn T gồm ông Nguyễn Văn B (những người thừa kế thế vị của ông B gồm Nguyễn Huy H1, Nguyễn Thị Thúy L2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn V), ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn L1. Mỗi suất thừa kế được hưởng số tiền là 32.715.600 đồng: 5 = 6.543.120 đồng là phù hợp.

[3.8] Đối với 01 lán tôn mạ màu: Quá trình giải quyết các đương sự đều xác nhận Lán tôn là tài sản do ông Nguyễn Văn L1 đầu tư, xây dựng. Theo kết luận định giá thì giá trị tài sản là 14.140.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho nguyên đơn toàn sở hữu và có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn L1 số tiền 14.140.000 đồng là có căn cứ.

[4] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng,

đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu khởi kiện và giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1 và anh Nguyễn Huy H1 kháng cáo không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Văn C1 và anh Nguyễn Huy H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C1 và anh Nguyễn Huy H1, giữ nguyên quyết định của Bản án số 86/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C1 và anh Nguyễn Huy H1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng, theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000669 và số 000670 cùng ngày 02/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn C.

3. Các quyết định khác của Bản án số 86/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Phòng;
- VKSND tỉnh Hải Phòng;
- Cục THADS tỉnh Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

